

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 02 – 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Thanh T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp Thạnh Đ, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh M (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp Thạnh Đ, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh M (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Trương Thanh T trình bày:* Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Hồng N chung sống với nhau vào năm 1994, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh M năm 2015. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 - 2019 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị N không chăm lo làm ăn, ham chơi, anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị N không khắc phục, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gay gắt hơn, không ai quan tâm đến ai. Hiện anh T khai nhận không còn tình cảm với chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị N.

Về con chung, có 02 người con tên Trương Minh N1, sinh ngày 25/9/1996 và Trương Bảo D, sinh ngày 11/12/2002. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai không có.

Chị Nguyễn Hồng N, tuy đã được Tòa án Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng, Chị Nguyễn Hồng N đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị Nguyễn Hồng N.

[2] Về hôn nhân, Anh Trương Thanh T với Chị Nguyễn Hồng N chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau năm 2015 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày xuất phát từ việc chị N không chăm lo làm ăn, ham chơi, anh nhiều lần khuyên giải nhưng chị không khắc phục, chính vì vậy mà anh chị không còn tình cảm với nhau, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa anh T xác định nếu Toà án giải quyết không cho ly hôn, anh cũng không chung sống với chị N. Riêng chị N tuy đã được triệu tập hợp lệ, song chị vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, chị N không đến Toà, không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của anh T. Cho nên, lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Với mâu thuẫn nêu trên, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T với chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh T về việc được ly hôn chị N được chấp nhận.

[3] Về con chung, anh T với chị N có 02 người con chung tên Trương Minh N1, sinh ngày 25/9/1996 và Trương Bảo D, sinh ngày 11/12/2002. Hiện các cháu đã trưởng thành anh T không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Anh T khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trương Thanh T.

- Hôn nhân: Anh Trương Thanh T được ly hôn Chị Nguyễn Hồng N.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

- Án phí hôn nhân và gia đình, Anh Trương Thanh T phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 28/6/2021, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001211 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh Trương Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Hồng N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Việt Trung**